

Hướng dẫn sử dụng tính năng mới trong bản phát hành ngày 24.6.2025

MỤC LỤC

1. Bổ sung Quy trình nghiệp vụ & Nhiệm vụ mặc định cho tác vụ hỏi đáp dựa trên tài liệu trong Tri thức.....	1
1.1 Giới thiệu.....	2
1.2 Hướng dẫn sử dụng chi tiết.....	2
1.2.1 Nhiệm vụ “knowledge retrieval”.....	6
1.2.2 Nhiệm vụ “generate knowledge response”	8
2. Thêm mới khối Lặp lại (Iteration) trong tính năng Nhiệm vụ (Tasks)	11
2.1 Giới thiệu.....	11
2.2 Hướng dẫn sử dụng khối Lặp lại	11
3. Bổ sung loại biến object trong khối Yêu cầu HTTP (HTTP Request)	13
3.1 Giới thiệu.....	13
3.2 Hướng dẫn sử dụng.....	14
4. Tính năng Tải lên tệp khi trò chuyện với AI Agent.....	16
4.1 Giới thiệu.....	16
4.2 Hướng dẫn sử dụng.....	16
4.3 Quy định về tệp tải lên.....	20
5. Tính năng Quản lý thông tin xác thực (Credential Management).....	20
5.1 Giới thiệu.....	20
5.2 Hướng dẫn sử dụng.....	21
5.2.1 Chức năng quản lý Thông tin xác thực.....	21
5.2.2 Sử dụng Thông tin xác thực trong MCP Client Tool	23

1. Bổ sung Quy trình nghiệp vụ & Nhiệm vụ mặc định cho tác vụ hỏi đáp dựa trên tài liệu trong Tri thức

1.1 Giới thiệu

Trên nền tảng FPT AI Agents, mỗi Agent được trang bị sẵn năng lực hỏi đáp dựa trên tài liệu trong Kho tri thức, thông qua một (01) Quy trình nghiệp vụ và hai (02) Nhiệm vụ mặc định do hệ thống thiết lập.

Trước đây, các thành phần này được cấu hình ngầm phía dưới hệ thống, khiến người dùng khó theo dõi, không nhận biết được luồng xử lý sẵn có, từ đó dễ phát sinh trùng lặp và xung đột trong quá trình sử dụng.

Từ bản cập nhật này, hệ thống đã đưa các thành phần mặc định nói trên lên giao diện nền tảng, cho phép người dùng:

- **Theo dõi trực quan cấu hình mặc định** mà hệ thống đã tối ưu sẵn cho phần lớn nhu cầu hỏi đáp từ tài liệu.
- **Chủ động điều chỉnh** nội dung quy trình hoặc nhiệm vụ cho phù hợp với mục tiêu sử dụng riêng.

Lưu ý: *Không được xóa các phần mặc định vì đây là cấu hình nền tảng bắt buộc để hệ thống vận hành nghiệp vụ.*

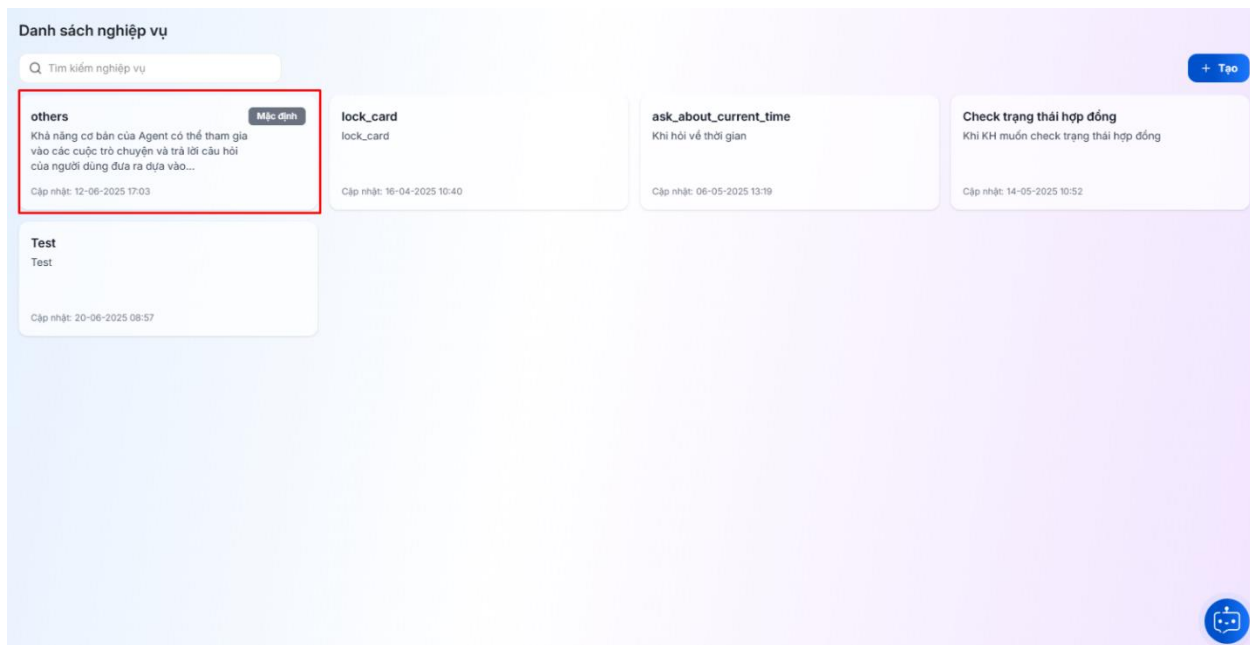
Cụ thể, hệ thống cung cấp:

- **Quy trình nghiệp vụ “others”**: Thực hiện xử lý và phản hồi các câu hỏi dựa trên tri thức được truy xuất, sử dụng công cụ “generate knowledge response”.
- **Nhiệm vụ “knowledge retrieval”**: Tiếp nhận truy vấn từ người dùng, phân loại thành câu hỏi thông thường hoặc chit-chat, sau đó trích xuất thông tin phù hợp từ kho tri thức.
- **Nhiệm vụ “generate knowledge response”**:
 - o Đưa ra hướng dẫn phản hồi cho truy vấn chit-chat, câu hỏi ngoài tài liệu hoặc nghiệp vụ hỏi đáp với tệp đính kèm trực tiếp tại cửa sổ
 - o Tạo câu trả lời chính xác cho các câu hỏi nằm trong phạm vi tri thức đã được trích xuất.

1.2 Hướng dẫn sử dụng chi tiết

1.2.1 Quy trình nghiệp vụ “others”

Bước 1. Truy cập mục **Quy trình nghiệp vụ**, tại Danh sách nghiệp vụ, chọn quy trình “others”.



Bước 2. Tại màn hình chi tiết quy trình, người dùng có thể:

- Chỉnh sửa nội dung trong mục Mô tả, Hướng dẫn
- Bổ sung nội dung trong mục Câu mẫu, Mục tiêu, Hạn chế
- Thêm/bớt các Nhiệm vụ hoặc Công cụ

Lưu ý: Người dùng không chỉnh sửa được tên mặc định **“others”** của quy trình nghiệp vụ để đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật của hệ thống

Sửa nghiệp vụ



Cập nhật nghiệp vụ theo yêu cầu mới.

Mặc định

Tên *

others

0/100

Mô tả *

Khả năng cơ bản của Agent có thể tham gia vào các cuộc trò chuyện và trả lời câu hỏi của người dùng dựa ra dựa vào knowledge/tool/task có thể truy cập

150/800

Câu mẫu

Mẹo: Mỗi câu hỏi mẫu cần được tách bằng dấu xuống dòng.

Các câu hỏi hoặc cụm từ mẫu liên quan đến quy trình nghiệp vụ mà người dùng có thể hỏi Agent

0/2000

Mục tiêu

Mục tiêu mà quy trình nghiệp vụ này hướng đến

0/255

Hướng dẫn *

Mẹo: Hướng dẫn nên được mô tả rõ ràng bằng cách đánh số thứ tự, hoặc gạch đầu dòng...

sinh ra câu trả lời dựa trên knowledge được truy xuất để trả lời câu hỏi của người dùng đưa ra

Nhiệm vụ ①

generate knowledge response X



Công cụ ①

Chọn công cụ



Hạn chế

Các hạn chế hoặc điều kiện mà Agent cần chú ý khi thực hiện quy trình nghiệp vụ

Hủy

Lưu

Bước 3. Nhấn **Lưu** để ghi nhận các thay đổi.

 Đặt lại mặc định

Với quy trình nghiệp vụ đã chỉnh sửa, người dùng có thể quay trở về phiên bản mặc định ban đầu của hệ thống bằng cách nhấn nút **“Đặt lại mặc định”** trong màn hình chi tiết quy trình nghiệp vụ.

Sửa nghiệp vụ



Cập nhật nghiệp vụ theo yêu cầu mới.

others

0/100

Mô tả *

Khả năng cơ bản của Agent có thể tham gia vào các cuộc trò chuyện và trả lời câu hỏi của người dùng dựa vào knowledge/tool/task có thể truy cập

150/800

Câu mẫu

Mẹo: Mỗi câu hỏi mẫu cần được tách bằng dấu xuống dòng.

Các câu hỏi hoặc cụm từ mẫu liên quan đến quy trình nghiệp vụ mà người dùng có thể hỏi Agent

0/2000

Mục tiêu

Mục tiêu mà quy trình nghiệp vụ này hướng đến

0/255

Hướng dẫn *

Mẹo: Hướng dẫn nên được mô tả rõ ràng bằng cách đánh số thứ tự, hoặc gạch đầu dòng...

sinh ra câu trả lời dựa trên knowledge được truy xuất để trả lời câu hỏi của người dùng đưa ra

Nhiệm vụ ①

generate knowledge response X



Công cụ ①

Chọn công cụ



Hạn chế

Các hạn chế hoặc điều kiện mà Agent cần chú ý khi thực hiện quy trình nghiệp vụ

0/2000

🔄 Đặt lại mặc định

Hủy

Lưu

1.2.2 Nhiệm vụ “knowledge retrieval”

Mô tả: Nhiệm vụ giúp phân loại câu truy vấn người dùng vào nhóm chit-chat hoặc câu hỏi thông thường, đồng thời trích xuất thông tin từ kho tri thức

Cấu hình mặc định

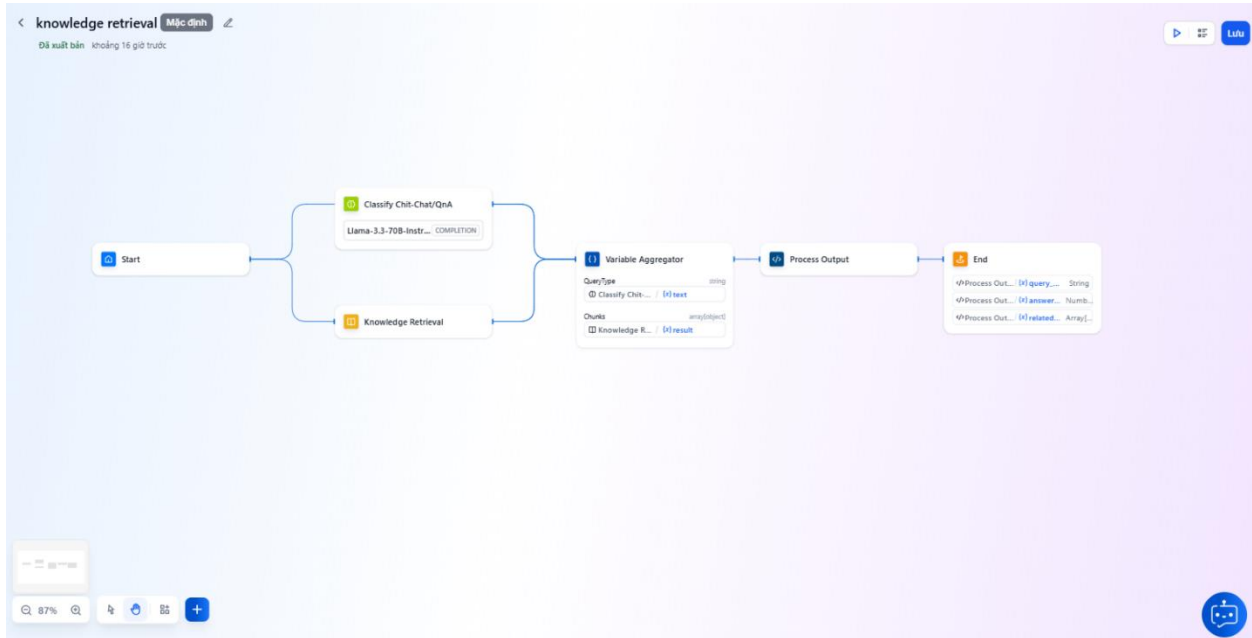
STT	Tên khối	Loại khối	Mục đích
1	Start	Bắt đầu	Xác định các biến đầu vào của quy trình là rewrite_message: câu truy vấn của người dùng đã được viết lại
2	Classify Chit-Chat/QnA	LLM	Dùng LLM để phân loại câu truy vấn người dùng vào nhóm chit-chat hoặc câu hỏi thông thường (QnA).
3	Knowledge Retrieval	Truy xuất Tri thức	Trích xuất thông tin từ kho tri thức dựa trên câu truy vấn của người dùng.
4	Variable Aggregator	Tổng hợp biến	Gộp hai nhánh Classify Chit-Chat/QnA và Knowledge Retrieval thành một khối, bao gồm kết quả của hai khối trên.
5	Process Output	Mã lệnh	Phân loại các câu hỏi thông thường (QnA) dựa trên điểm tương đồng giữa tri thức được trích xuất và câu truy vấn của người dùng. Xác định tri thức bằng rỗng cho những câu hỏi thuộc loại chit-chat. Dựa trên việc có còn tài liệu hay không, xác định truy vấn có thể trả lời được hay không (answerable).
6	End	Kết thúc	Xác định biến đầu ra của quy trình: • query_type: câu truy vấn của người dùng thuộc loại chit-chat hoặc QnA • answerable: đánh dấu các câu hỏi được trả lời dựa trên tri thức • relate_docs: đoạn nội dung (chunks) được trích xuất

Thao tác cơ bản

Tương tự như những nhiệm vụ khác, người dùng có thể thực hiện các tác vụ như:

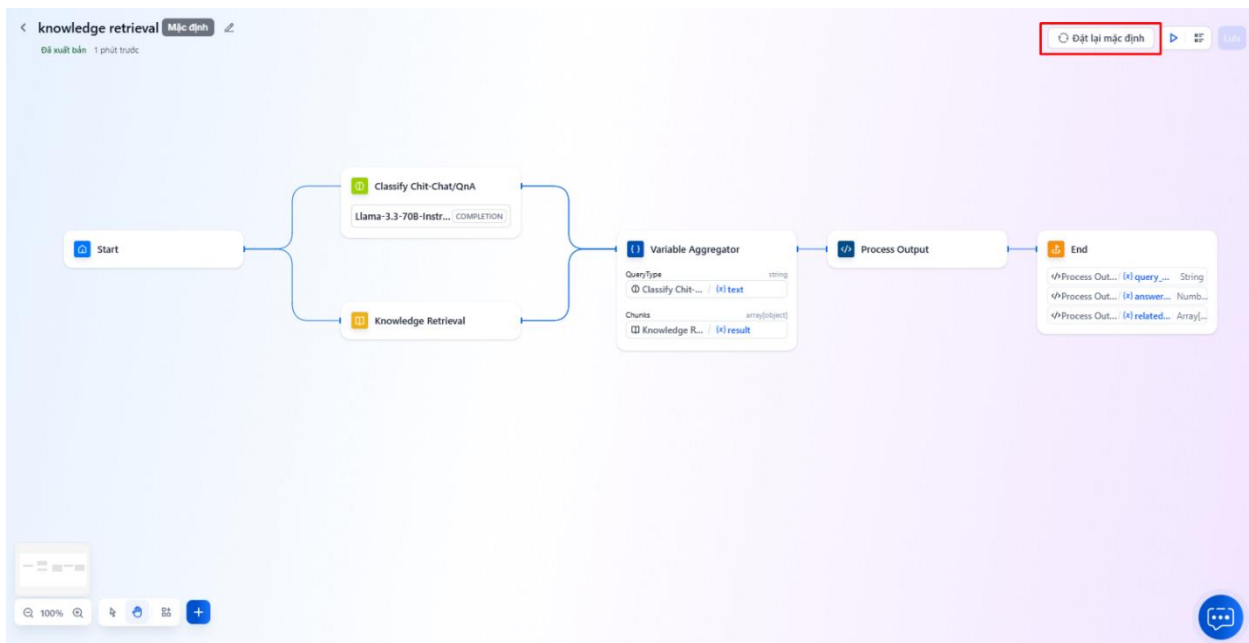
- Thêm, xóa, chỉnh sửa các khối trong quy trình
- Lưu lại chỉnh sửa
- Chỉnh sửa thông tin mô tả của nhiệm vụ

Lưu ý: Người dùng không chỉnh sửa được tên mặc định của nhiệm vụ



Đặt lại mặc định

Với quy trình đã chỉnh sửa, người dùng có thể quay trở về phiên bản mặc định ban đầu của hệ thống bằng cách nhấn nút “Đặt lại mặc định” trong màn hình chi tiết quy trình.



1.2.3 Nhiệm vụ “generate knowledge response”

Mô tả:

- Đưa ra hướng dẫn trả lời (instructions) đối với câu chit-chat, hỏi đáp với tệp đính kèm, câu hỏi ngoài phạm vi tài liệu
- Sinh ra câu trả lời với câu hỏi trong phạm vi tài liệu (sử dụng tri thức được trích xuất từ kho tri thức)

Cấu hình mặc định

STT	Tên khối	Loại khối	Mục đích
1	Start	Bắt đầu	Xác định các biến đầu vào của quy trình bao gồm các biến hệ thống
2	Process Knowledge from Retrieval	Mã lệnh	Xử lý thông tin đầu vào từ knowledge để: • Kết hợp các tài liệu liên quan (nếu có). • Xác định liệu hệ thống có thể trả lời truy vấn hay không. • Gán loại truy vấn là "qna" nếu có thể trả lời, ngược lại sử dụng query_type từ knowledge hoặc mặc định là "chit-chat".
3	Check invoke RAG	If/Else	Chia nhánh xử lý với câu hỏi trong phạm vi tài liệu và những loại câu hỏi còn lại
4	Answer using Knowledge	LLM	Sinh ra câu trả lời với câu hỏi trong phạm vi tài liệu

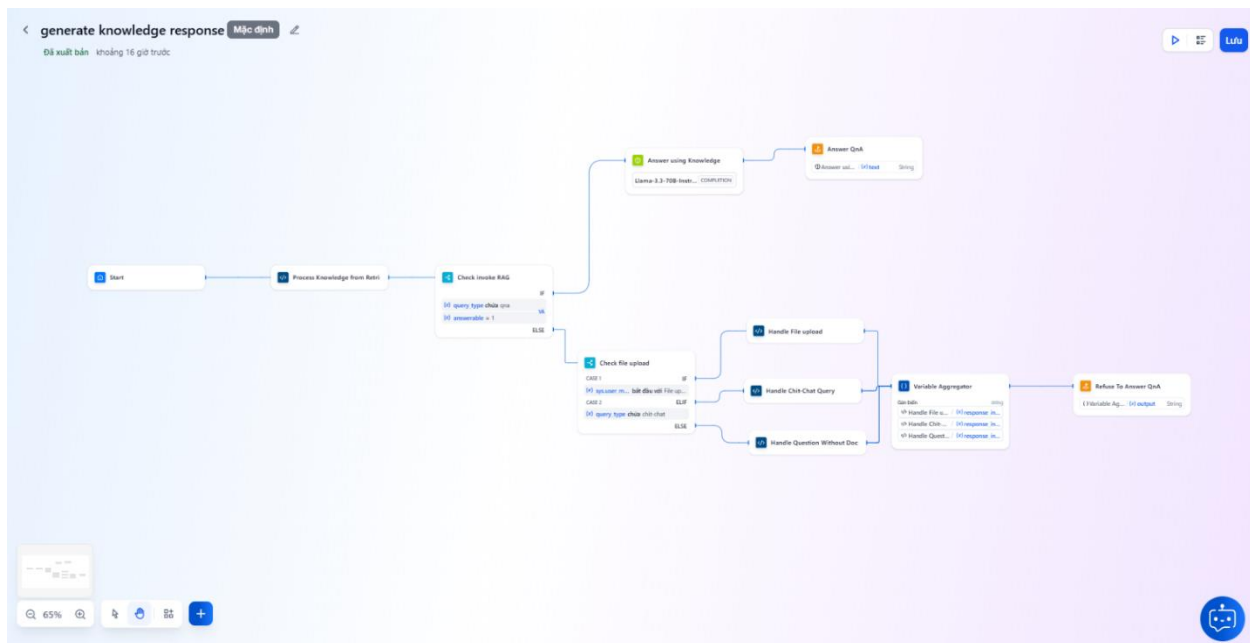
5	Answer QnA	Kết thúc	Xác định biến đầu ra “final_answer” là câu trả lời cho câu hỏi trong phạm vi tài liệu
6	Check file upload	If/Else	Chia nhánh xử lý với câu chit-chat, hỏi đáp với tệp đính kèm, câu hỏi ngoài phạm vi tài liệu
7	Handle File upload	Mã lệnh	Đưa ra hướng dẫn trả lời (instructions) đối với câu chit-chat
8	Handle Chit-Chat Query	Mã lệnh	Đưa ra hướng dẫn trả lời (instructions) đối với câu hỏi đáp với tệp đính kèm
9	Handle Question Without Document	Mã lệnh	Đưa ra hướng dẫn trả lời (instructions) đối với câu hỏi ngoài phạm vi tài liệu
10	Variable Aggregator	Tổng hợp biến	Gộp ba nhánh Handle File upload, thành một khối, Handle Chit-Chat Query, Handle Question Without Document bao gồm kết quả của ba khối trên
11	Refuse To Answer QnA	Kết thúc	Xác định biến đầu ra “response_instruction” là hướng dẫn dẫn trả lời (instructions) với câu chit-chat, hỏi đáp với tệp đính kèm, câu hỏi ngoài phạm vi tài liệu

Thao tác cơ bản

Tương tự như những nhiệm vụ khác, người dùng có thể thực hiện các tác vụ như:

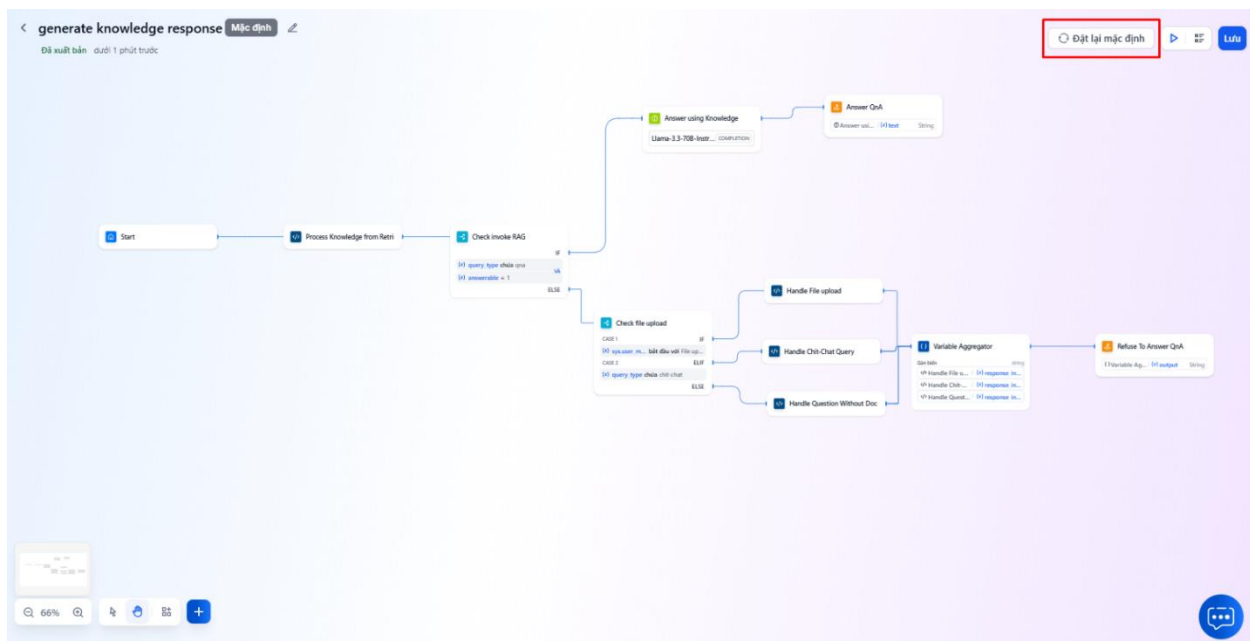
- Thêm, xóa, chỉnh sửa các khối trong quy trình
- Lưu lại chỉnh sửa
- Chỉnh sửa thông tin mô tả của nhiệm vụ

Lưu ý: Người dùng không chỉnh sửa được tên mặc định của nhiệm vụ.



Đặt lại mặc định

Với quy trình đã chỉnh sửa, người dùng có thể quay trở về phiên bản mặc định ban đầu của hệ thống bằng cách nhấn nút **Đặt lại mặc định** trong màn hình chi tiết quy trình.



2. Thêm mới khối Lặp lại (Iteration) trong tính năng Nhiệm vụ (Tasks)

2.1 Giới thiệu

Khối **Lặp lại (Iteration)** cho phép tạo một vòng lặp bao quanh một nhóm khối xử lý bên trong, giúp hệ thống xử lý tuần tự từng phần tử trong một biến dạng mảng (array), đồng thời trả về kết quả đầu ra cũng dưới dạng mảng.

Tính năng này đặc biệt hữu ích trong các tác vụ cần lặp lại một logic xử lý cho nhiều phần tử dữ liệu, giúp quy trình trở nên linh hoạt và tối ưu hơn.

Ví dụ ứng dụng:

Khi cần kiểm tra xem AI Agent thực sự đã sử dụng những đoạn nội dung (chunks) nào từ Kho tri thức để tạo ra câu trả lời, người dùng có thể sử dụng khối Lặp lại kết hợp với mô hình ngôn ngữ (LLM) để so sánh nội dung từng chunk với câu trả lời, từ đó xác định đoạn có độ liên quan cao nhất.

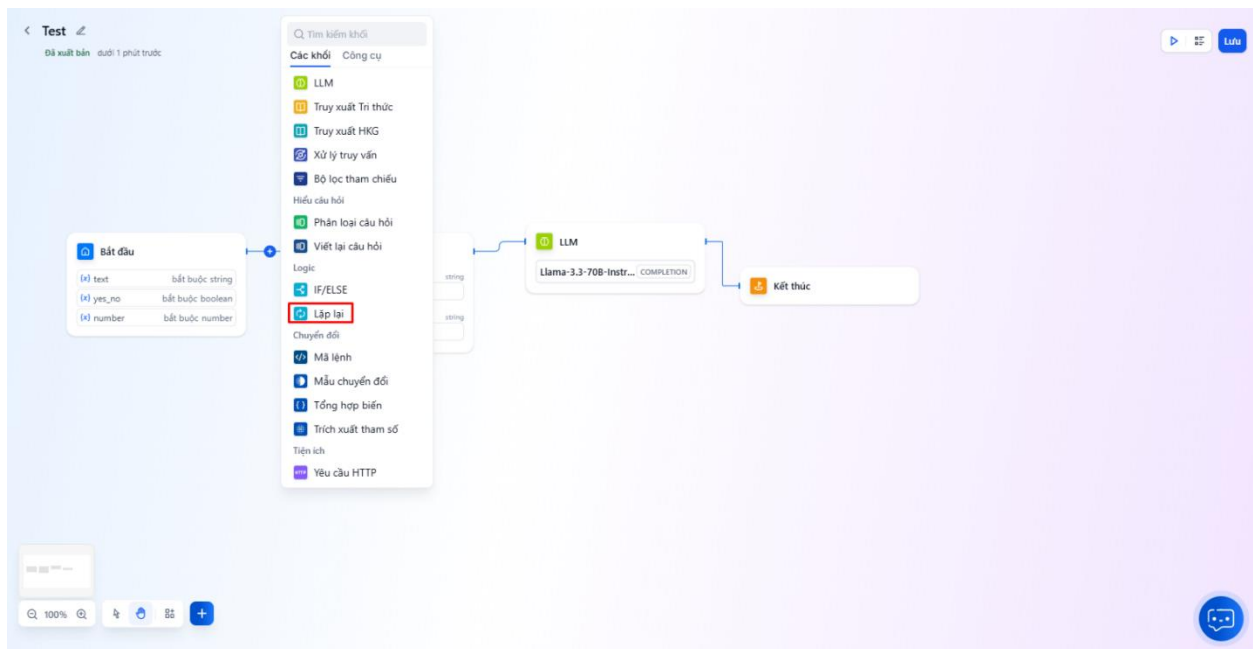
Cụ thể:

- **Biến đầu vào:** Tạo một khối Lặp lại, sử dụng biến **sys.knowledge** - đại diện cho danh sách các chunk mà hệ thống đã truy xuất từ Kho tri thức.
- **Trong mỗi vòng lặp:** hệ thống lần lượt so sánh từng chunk với câu trả lời đã sinh
- **Kết quả:** Trả về danh sách các chunk có mức độ liên quan cao, hỗ trợ đánh giá tính chính xác và minh bạch của phản hồi do AI Agent tạo ra.

2.2 Hướng dẫn sử dụng khối Lặp lại

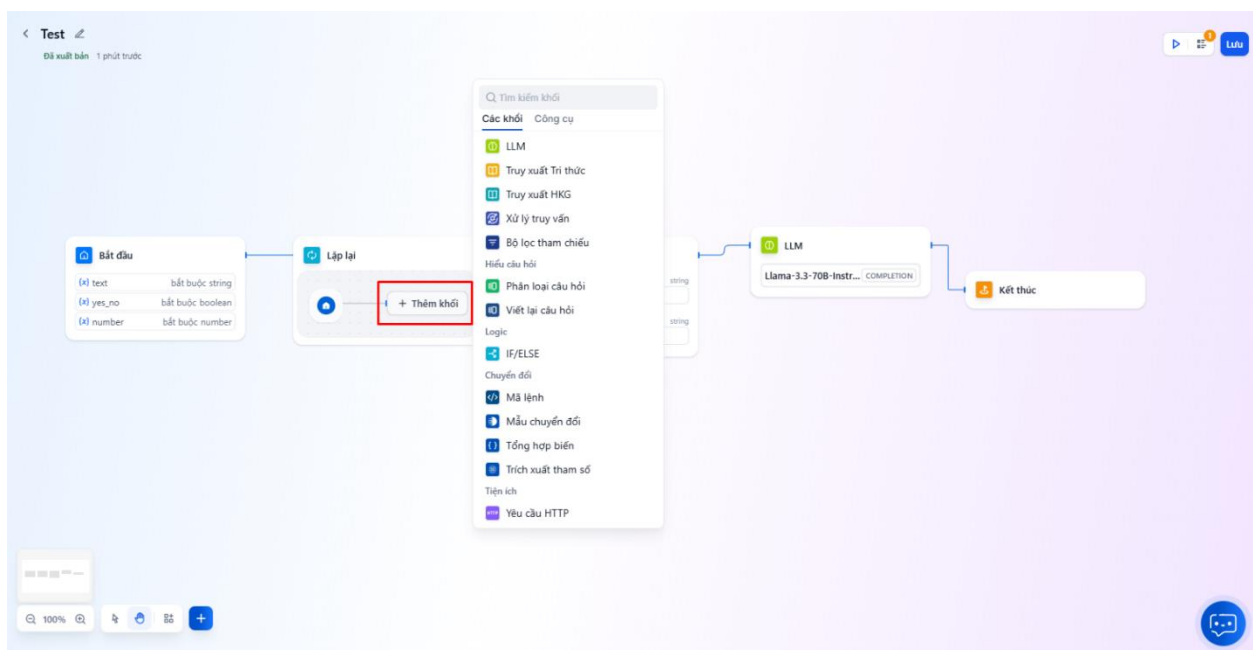
Bước 1. Truy cập nhiệm vụ cần thêm khối Lặp lại

- Mở một Nhiệm vụ bất kỳ hoặc thêm Nhiệm vụ mới
- Nhấn Thêm khối tại vị trí mong muốn trong Nhiệm vụ



Bước 2. Thêm các khối xử lý bên trong vòng lặp

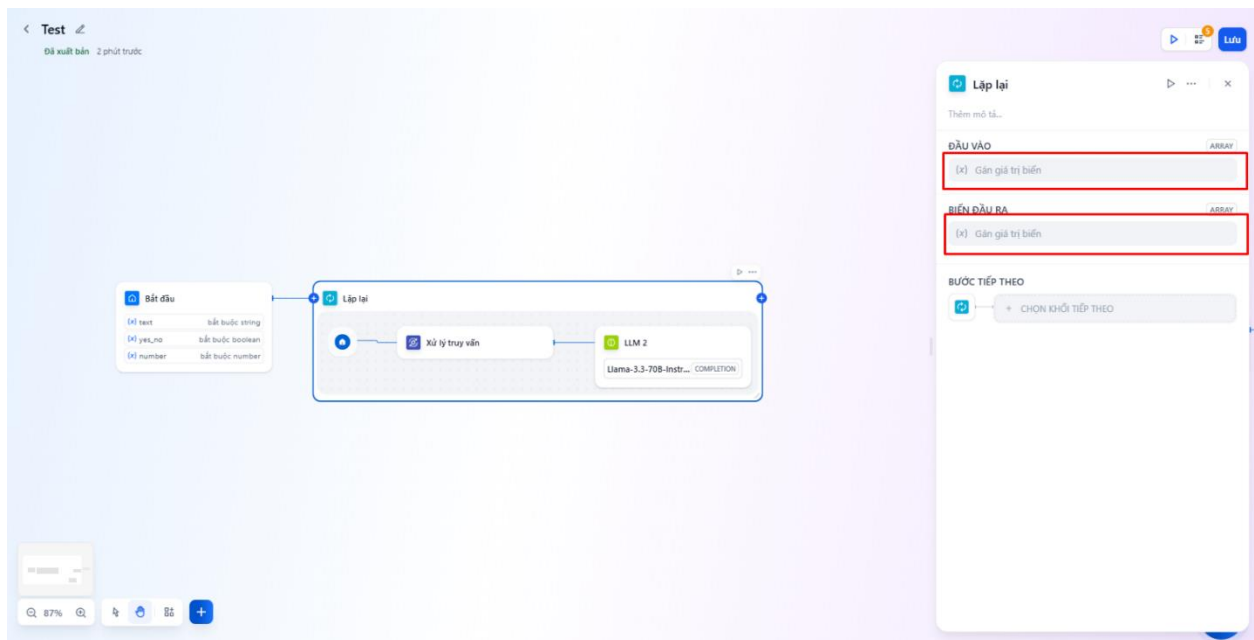
Nhấn “Thêm khối” trong khung vòng lặp để chèn các khối xử lý cần thực hiện lặp.



Bước 3. Cấu hình biến đầu vào và đầu ra

- Biến đầu vào: tại mục Đầu vào, chọn biến trong danh sách biến của các khối được kết nối phía trước

- Biến đầu ra: tại mục Đầu ra, chọn biến từ danh sách các khối nằm trong vòng lặp.



Lưu ý:

- Chỉ hỗ trợ các biến có kiểu **mảng (array)** cho cả **đầu vào và đầu ra** của khối Lặp lại.
- Danh sách biến đầu vào sẽ trống nếu phía trước chưa kết nối khối nào. Cần kết nối với ít nhất một khối để thêm được biến đầu vào
- Danh sách biến đầu ra sẽ trống nếu trong vòng lặp chưa thêm khối xử lý. Cần thêm ít nhất một khối trong vòng lặp.

Bước 4. Thao tác với khối Lặp lại

Khối Lặp lại có thể thao tác tương tự các khối khác, cụ thể như sau:

- Chỉnh sửa nội dung
- Sao chép/Dán/Nhân bản/Xóa
- Chạy thử

3. Bổ sung loại biến object trong khối Yêu cầu HTTP (HTTP Request)

3.1 Giới thiệu

Khối **Yêu cầu HTTP (HTTP Request)** cho phép gửi dữ liệu đến hệ thống bên thứ ba trong quá trình thực thi Nhiệm vụ. Trước đây, các trường giá trị trong headers và params chỉ hỗ trợ biến dạng chuỗi (string). Trong bản cập nhật mới, hệ thống đã mở rộng khả năng, cho phép **chọn và truyền trực tiếp các biến dạng đối tượng (object variables)** vào các trường này.

Tính năng này giúp tăng tính linh hoạt khi xây dựng nhiệm vụ, đặc biệt hữu ích trong các tình huống cần gửi dữ liệu có cấu trúc như danh sách, thông tin phiên trò chuyện hoặc cấu hình nâng cao.

Ví dụ: Người dùng có thể chọn trực tiếp **biến sys.turn_chat_config** (thông tin các lượt chat từ Agent) tại giá trị trong params của khối Yêu cầu HTTP để gửi toàn bộ cấu hình này tới hệ thống bên thứ ba mà không cần chuyển đổi sang chuỗi (strings).

3.2 Hướng dẫn sử dụng

Bước 1. Truy cập Nhiệm vụ

Mở một Nhiệm vụ bất kỳ hoặc thêm Nhiệm vụ mới

Bước 2. Thêm hoặc chọn khối Yêu cầu HTTP

Nhấn **Thêm khối** Yêu cầu HTTP tại vị trí mong muốn trong quy trình, hoặc chọn khối Yêu cầu HTTP đã có sẵn

Bước 3. Chọn biến cho trường headers hoặc params

- Trong phần chi tiết khối, tại trường **Giá trị** của **Tiêu đề (header)** hoặc **Tham số (params)**, nhấn **"/"** để mở danh sách biến có sẵn.
- Chọn biến object mong muốn từ danh sách

HTTP

Yêu cầu HTTP

▶ ... ✕

Thêm mô tả...

API

Xác thực Không có

GET

Nhập URL, gõ '/' để chèn biến

TIÊU ĐỀ

KHÓA	GIÁ TRỊ
gõ '/' để chèn biến	/ (x)
gõ '/' để chèn biến	

THAM SỐ

KHÓA	GIÁ TRỊ
gõ '/' để chèn biến	

NỘI DUNG

☒ none
☐ form-data
☐ raw text
☐ JSON

TIMEOUT

> BIẾN XUẤT RA

BƯỚC TIẾP THEO

HTTP

Kết thúc

...

+ ADD PARALLEL NODE

BẮT ĐẦU

(x) text

String

(x) yes_no

String

(x) number

Number

(x) sys.user_message

String

(x) sys.rewrite_message

String

(x) sys.extra

Object

(x) sys.knowledge

Object

(x) sys.sender_id

String

(x) sys.sender_name

String

(x) sys.turn_chat_config

Object

(x) sys.persona

String

TỔNG HỢP BIẾN

(x) Group1

Object >

(x) Group2

Object >

LLM

(x) text

String

Bước 4. Lưu và kiểm thử

- Ấn **Lưu** để hoàn tất cấu hình

- Có thể sử dụng tính năng **Chạy thử** để xác nhận dữ liệu biến object được truyền đi đúng định dạng và xác thực phản hồi trả về từ hệ thống bên thứ ba có đầy đủ và chính xác như mong đợi.

4. Tính năng Tải lên tệp khi trò chuyện với AI Agent

4.1 Giới thiệu

Tính năng **Tải lên tệp** cho phép người dùng đính kèm và chia sẻ tài liệu trực tiếp trong quá trình trò chuyện với AI Agent, giúp cung cấp thông tin đầy đủ để Agent xử lý chính xác và hiệu quả hơn.

Người dùng có thể tải lên tệp **tại bất kỳ thời điểm nào trong phiên trò chuyện**, nhằm hỗ trợ hai tình huống sử dụng phổ biến sau:

- **Ngay khi bắt đầu trò chuyện:** Người dùng chủ động cung cấp tài liệu ngay từ khi bắt đầu phiên tương tác, giúp AI Agent hiểu rõ bối cảnh, yêu cầu và nhanh chóng đưa ra phản hồi chính xác.
- **Trong quá trình tương tác:** Người dùng có thể gửi thêm tài liệu bất cứ lúc nào để bổ sung hoặc làm rõ thông tin đang trao đổi, giúp AI Agent cập nhật đầy đủ và kịp thời về nội dung hỗ trợ.

Lợi ích nổi bật:

- Rút ngắn thời gian nhập liệu thủ công, giảm thao tác mô tả bằng lời.
- Tăng độ chính xác khi xử lý các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hình ảnh.
- Nâng cao hiệu quả tương tác và cải thiện trải nghiệm người dùng trong các phiên hội thoại với AI Agent.

4.2 Hướng dẫn sử dụng

Bước 1. Mở khung trò chuyện với AI Agent

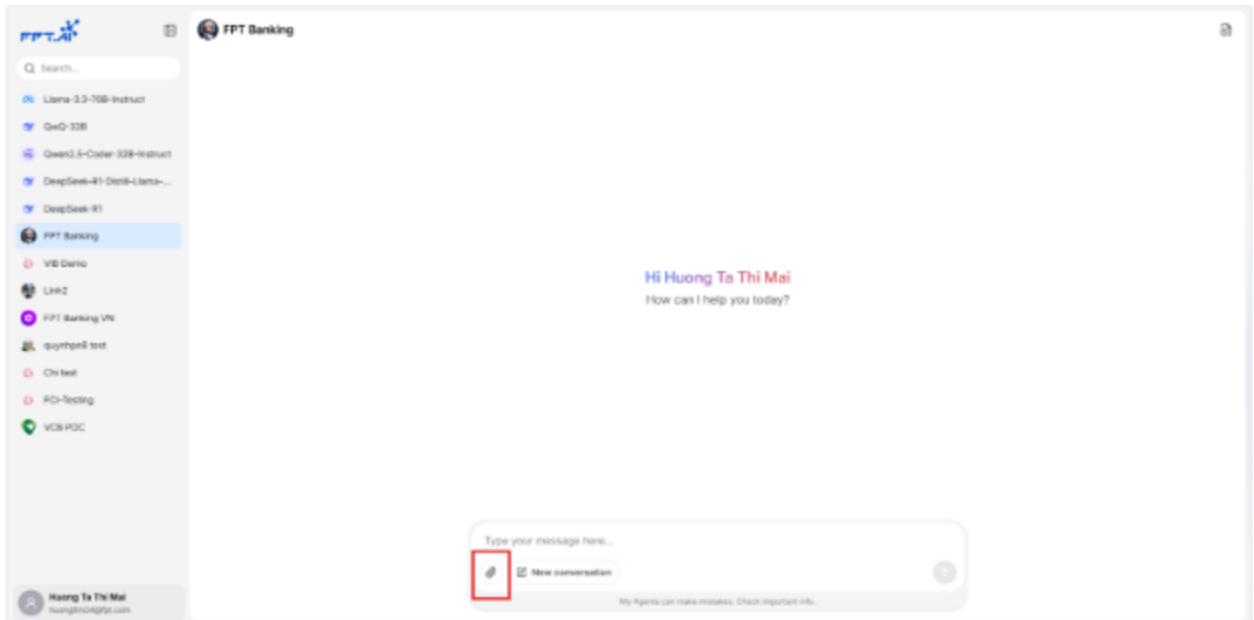
Truy cập vào cửa sổ tương tác với AI Agent trên nền tảng tích hợp như MyAgents, Messenger, Zalo, Teams, Website, App...

Bước 2. Tải tệp lên

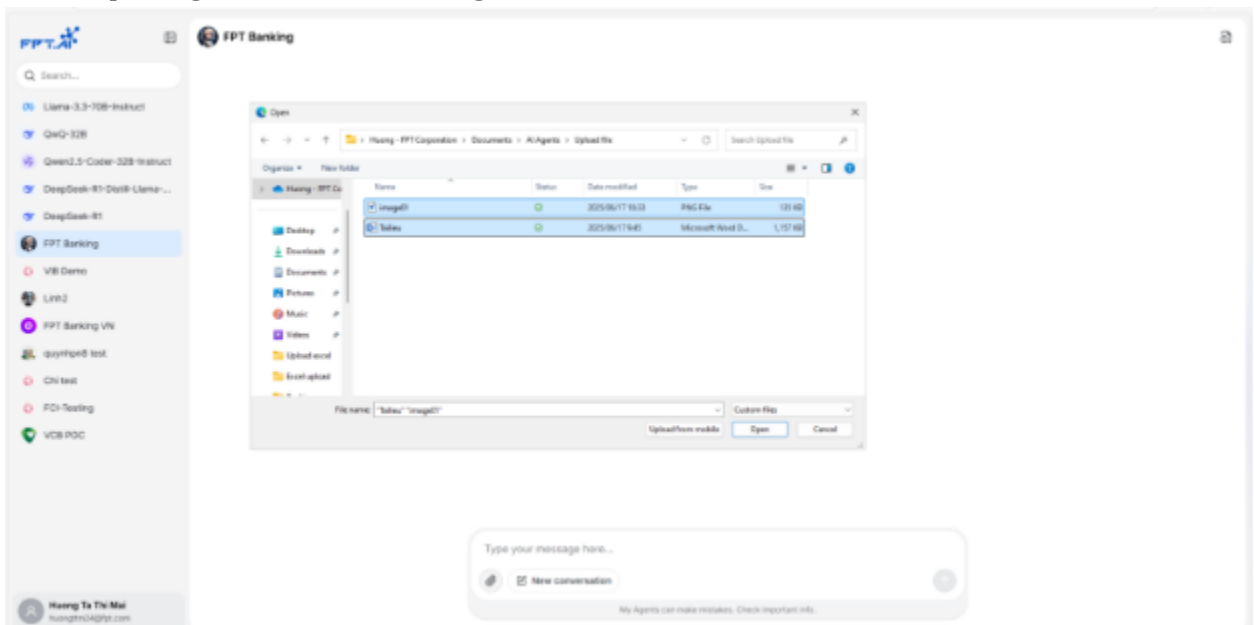
Bạn có thể tải tệp lên bằng một trong hai cách sau:

Cách 1:

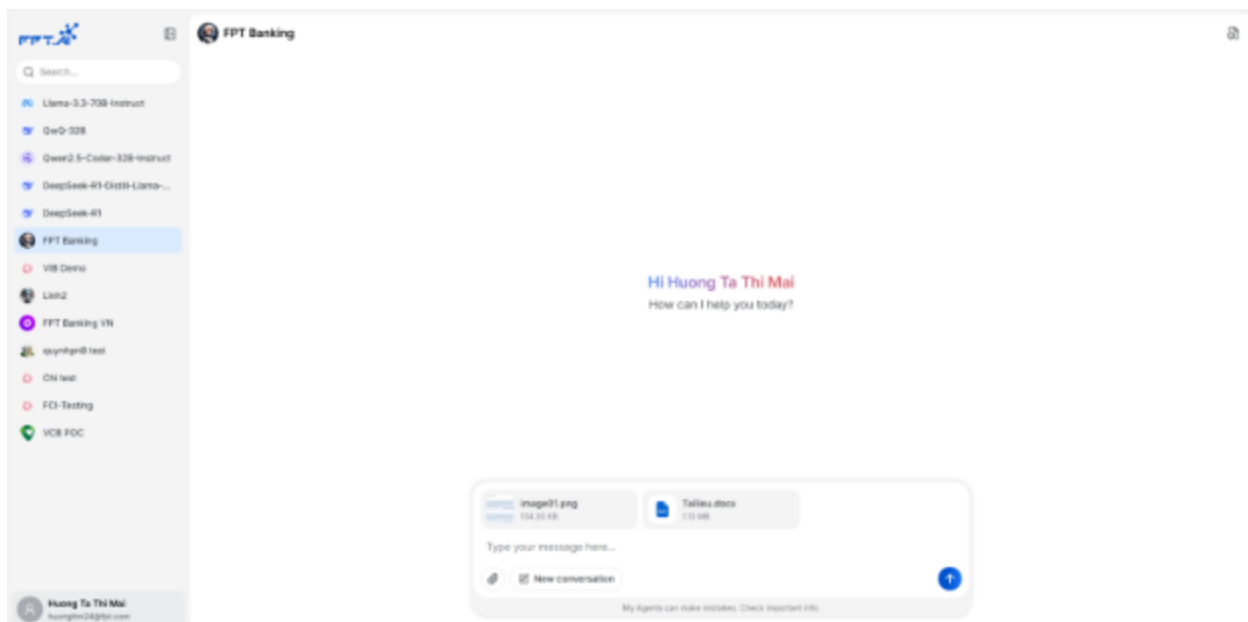
- Nhấn nút **“Tải lên tệp”** tại khung trò chuyện.



- Chọn tệp cần gửi từ thiết bị hoặc nguồn lưu trữ.

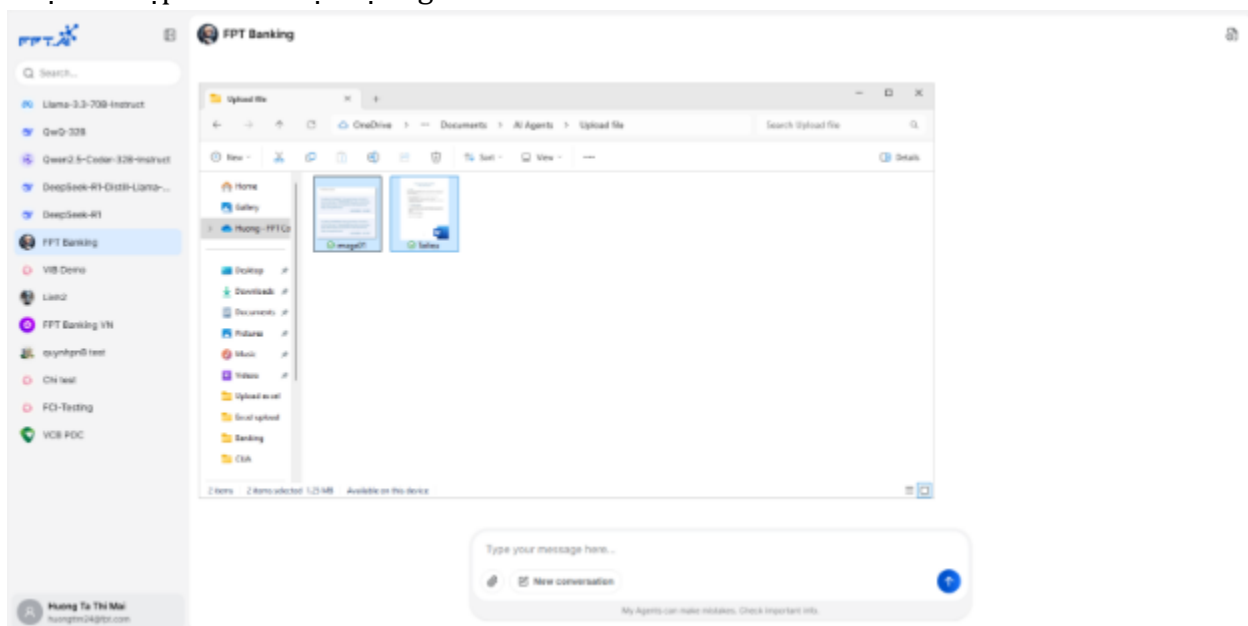


- Hệ thống sẽ hiển thị tên tệp để xác nhận.

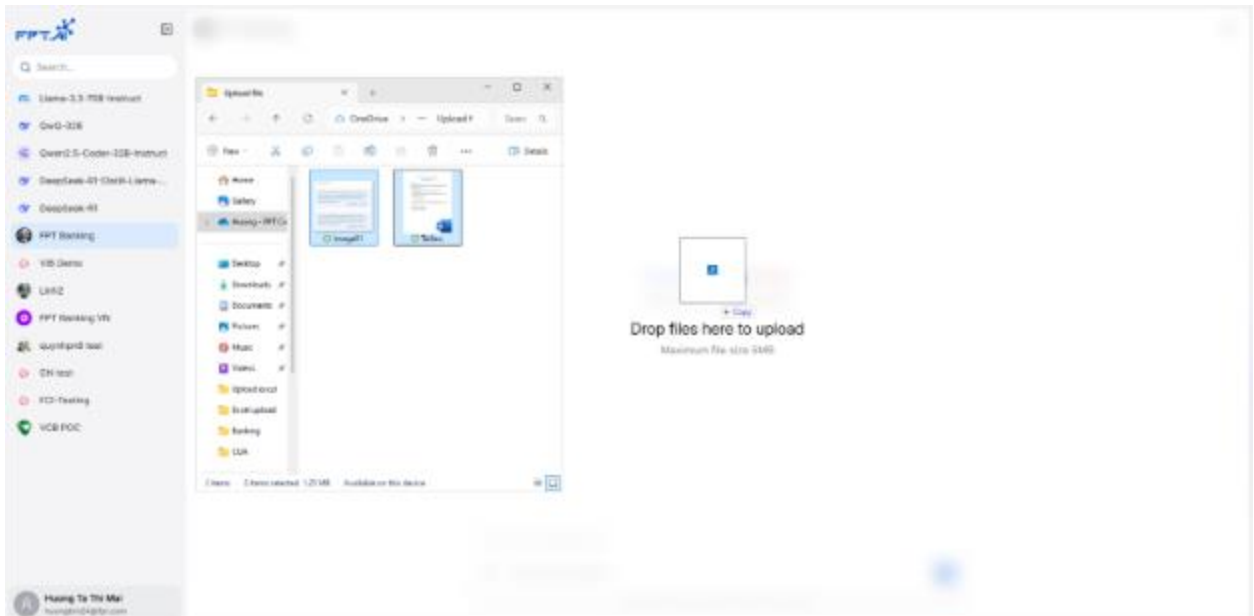


Cách 2:

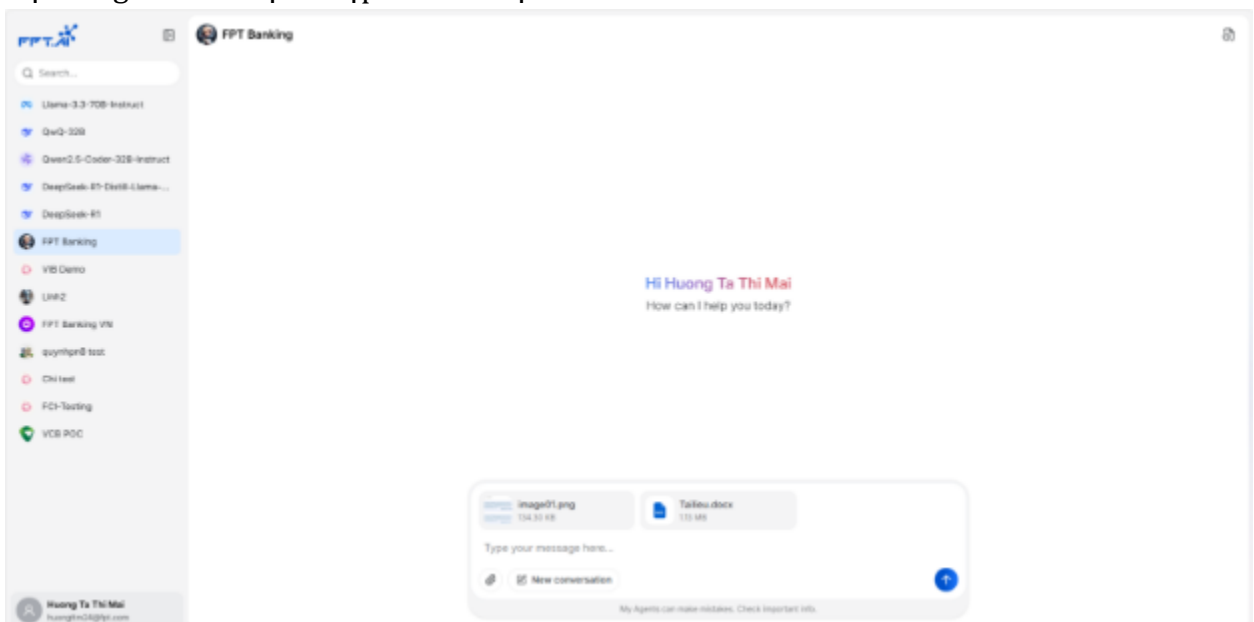
- Chọn các tệp từ thiết bị hoặc nguồn lưu trữ.



- Kéo và thả trực tiếp vào khung trò chuyện.



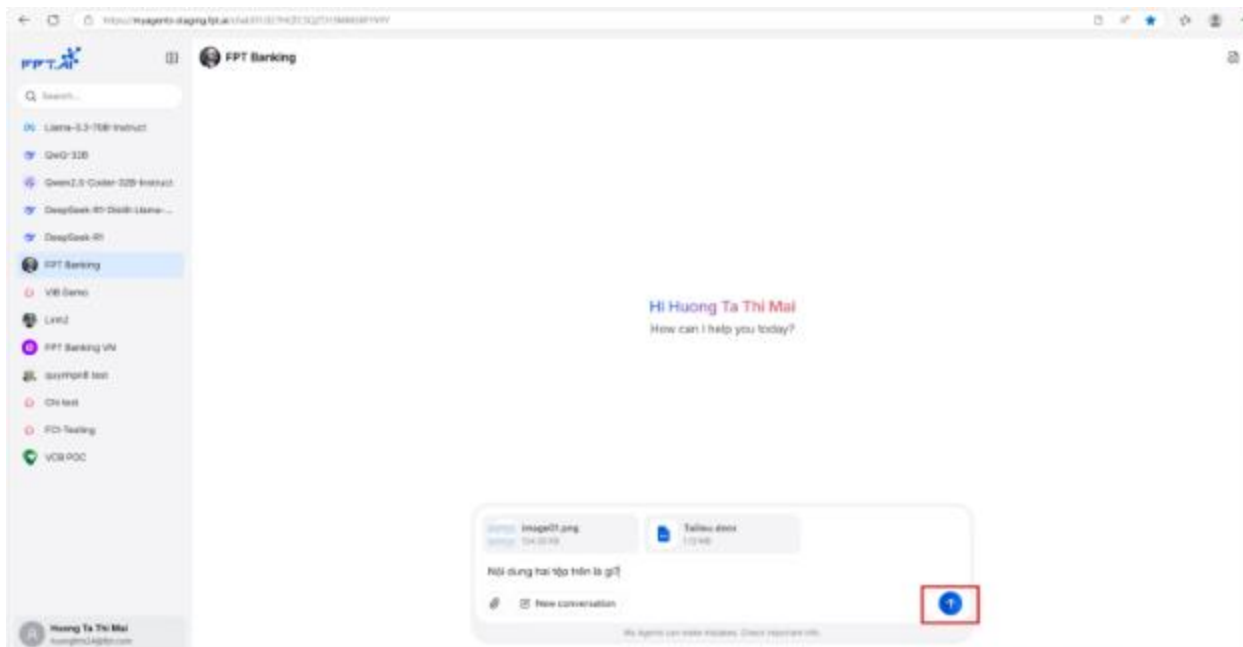
- Hệ thống sẽ hiển thị tên tệp để xác nhận



Bước 3. Gửi tệp và tiếp tục trò chuyện

Trong lúc chờ tệp được xử lý, người dùng có thể nhập nội dung mô tả hoặc yêu cầu liên quan để AI Agent hỗ trợ chính xác hơn.

Nhấn nút **Gửi** (biểu tượng mũi tên) để gửi tệp và tin nhắn.



4.3 Quy định về tệp tải lên

Hệ thống hỗ trợ các tệp đính kèm trong giới hạn sau:

- **Định dạng tệp được hỗ trợ:**
 - Hình ảnh: *.jpg, .jpeg, .png, .gif, .svg, .webp, .heic, .jfif*
 - Tài liệu: *.pdf, .doc, .docx, .pptx*
- **Dung lượng tối đa:** Mỗi tệp không vượt quá **10MB**
- **Số lượng tệp:** Mỗi lần tải lên tối đa **3** tệp

Lưu ý: Nếu vượt quá giới hạn trên, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và không xử lý các tệp không hợp lệ.

5. Tính năng Quản lý thông tin xác thực (Credential Management)

5.1 Giới thiệu

Tính năng **Quản lý thông tin xác thực (Credentials Management)** trên nền tảng FPT AI Agents cho phép người dùng tạo và quản lý các thông tin xác thực dùng để kết nối tới các hệ thống bên ngoài một cách **an toàn** và **thuận tiện**.

Thông tin xác thực được sử dụng trong các trường hợp như:

- Kết nối tới API thông qua **IDE Tool**
- Tạo **MCP Client Tool**
- Sử dụng **node Code** và **Tool** trong tính năng **Nhiệm vụ (Task)**

Tính năng này giúp đảm bảo các dữ liệu nhạy cảm luôn được **bảo mật**, đồng thời hỗ trợ người dùng **để dàng tái sử dụng** các cấu hình xác thực khi cần thiết trong quá trình xây dựng và triển khai AI Agent.

5.2 Hướng dẫn sử dụng

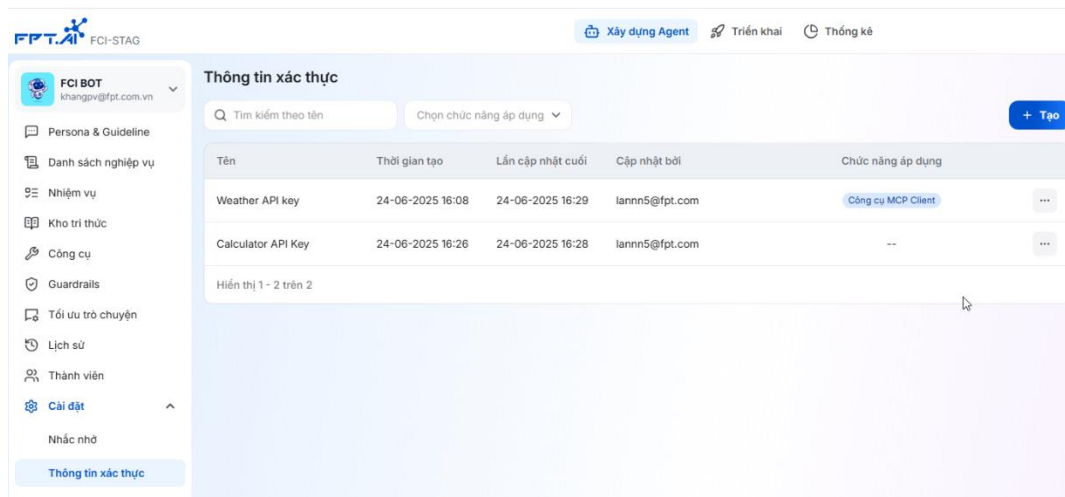
5.2.1 Chức năng quản lý Thông tin xác thực

Chức năng quản lý Thông tin xác thực cho phép người dùng tạo, lưu trữ và chỉnh sửa các thông tin xác thực được sử dụng trong toàn bộ không gian làm việc. Đây là bước cấu hình quan trọng nhằm đảm bảo AI Agent có thể kết nối an toàn và hiệu quả tới các hệ thống bên ngoài.

Để truy cập tính năng quản lý thông tin xác thực, bạn thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Truy cập giao diện quản lý Credential

- Vào mục “**Cài đặt**” trên thanh điều hướng.
- Trong thanh điều hướng bên trái, chọn mục nhỏ “**Thông tin xác thực**” để truy cập danh sách các thông tin xác thực đã được thiết lập

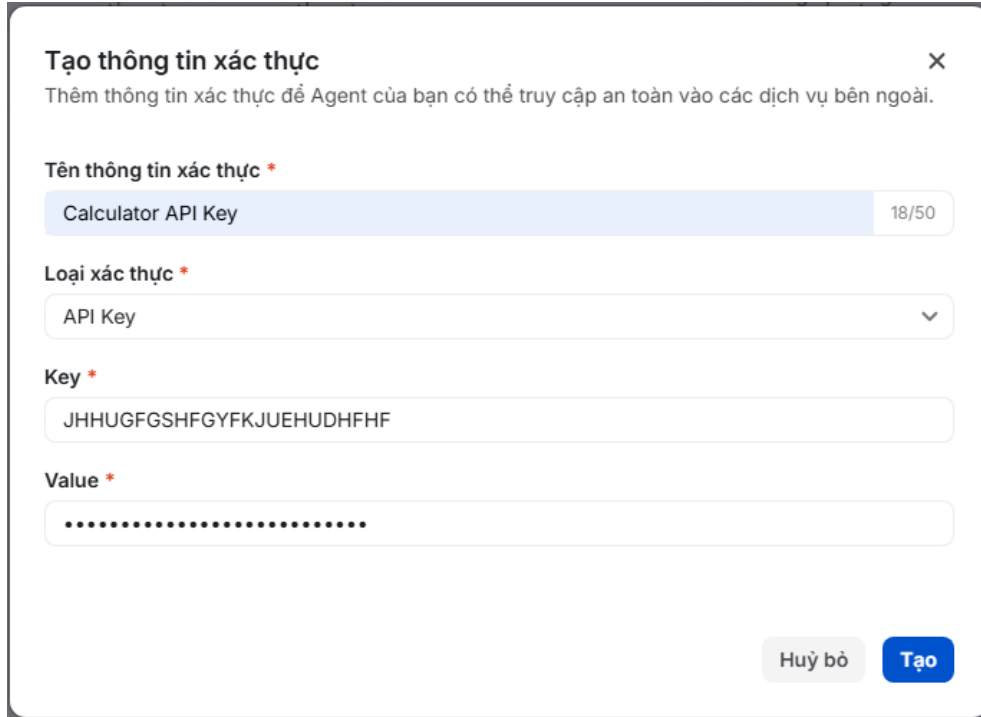


Bước 2. Tạo mới thông tin xác thực

- Nhấn nút “**Tạo**”
- Hệ thống hiển thị một biểu mẫu gồm các trường cấu hình sau:
 - **Tên thông tin xác thực**: Nhập tên hiển thị cho thông tin xác thực, tối đa 50 ký tự.
 - **Loại thông tin xác thực**: Chọn loại xác thực **API Key**, **Bearer Token** hoặc **Tùy chỉnh thông tin xác thực**
 - **Giá trị xác thực**: Nhập thông tin tương ứng với loại xác thực đã chọn ở trên, cụ thể:

- **API Key:** nhập **Key** và **Value**
- **Bearer Token:** nhập **Token**
- **Tùy chỉnh thông tin xác thực:** nhập **Key** và **Value**

Sau khi hoàn tất, nhấn “**Tạo**” để lưu hoặc “**Hủy bỏ**” để hủy thao tác.



Bước 3. Quản lý danh sách Thông tin xác thực

- Thông tin xác thực sau khi tạo sẽ hiển thị trong danh sách với các thông tin:
 - **Tên:** tên thông tin xác thực đã tạo
 - **Thời gian tạo/Cập nhật gần nhất:** Thời gian tạo và chỉnh sửa gần nhất
 - **Cập nhật bởi:** Tài khoản thực hiện chỉnh sửa gần nhất
 - **Chức năng đang sử dụng:** Danh sách các công cụ (tools) hoặc khối (node) đang sử dụng

Tại từng dòng dữ liệu, bạn có thể:

- **Chỉnh sửa:** nhấn biểu tượng ... rồi chọn “**Sửa**” để cập nhật thông tin
- **Xóa:** nhấn biểu tượng ... rồi chọn “**Xóa**”, chỉ được xóa nếu Thông tin xác thực chưa được sử dụng ở bất kỳ chức năng nào. Để xóa Thông tin xác thực đang được dùng, cần gỡ liên kết Thông tin xác thực khỏi các chức năng đang sử dụng đó trước khi xóa.

Người dùng có thể tìm kiếm thông tin xác thực theo tên hoặc lọc thông tin xác thực theo một hoặc nhiều chức năng đang sử dụng.

5.2.2 Sử dụng Thông tin xác thực trong MCP Client Tool

Khi tạo mới hoặc chỉnh sửa MCP Client Tool, người dùng có thể cấu hình thông tin xác thực theo hai cách:

- **Chọn Thông tin xác thực có sẵn:** Lựa chọn từ danh sách các thông tin xác thực đã tạo trước đó với phương thức xác thực là Bearer Token.
- **Tạo mới Thông tin xác thực trực tiếp:** Người dùng có thể tạo mới một thông tin xác thực ngay trong giao diện cấu hình MCP Client Tool bằng cách nhập Token tương ứng với phương thức Bearer Token. Sau khi hoàn tất, Thông tin xác thực mới sẽ tự động được chọn và gán vào trường thông tin xác thực của MCP Client Tool.

